

UNIT 8

PLACES

I. Điền vào chỗ trống một chữ cái để tạo thành từ đúng. Sau đó cho nghĩa tiếng Việt của từ.

Ex: pl_c_ place : *nơi chốn*

1. s_uv_n_r st_r_ : _____
2. r__lw_y st_t__n : _____
3. st_d__m : _____
4. r_st__r_nt : _____
5. _os_it_l : _____
6. m_s__m : _____
7. s_p_rm__k_t : _____
8. f_c_or_ : _____

II. Hoàn tất các câu, dùng các từ cho sẵn trong khung.

bakery post office shoe store bank bookstore drugstore hotel movie theater

1. I usually buy shoes at the _____ near my house.
2. Nam is going to the _____ to buy some medicines.
3. Nga wants to see a movie. She will go to the _____ tonight.
4. She has lots of money in the _____.
5. We are going to stay at the New World _____.
6. Liz wants to mail a letter. She is going to the _____.
7. Bread is baked for sale in a _____.
8. I wanted to buy some novels, so I went to the _____.

III. Điền vào chỗ trống các giới từ *in, on, at, for, between, opposite, from, to*.

1. My house is _____ the bookstore and the school.
2. There is a market _____ front of my school.
3. The bus stop is _____ the right, _____ the post office.
4. Dad isn't _____ home right now. He's _____ work.
5. There is a supermarket _____ Nguyen Trai Street.
6. How far is it _____ Da Nang _____ Hue?
7. Turn left _____ the next crossroads. The bank is _____ your right.
8. It takes about two hours to get _____ Ha Noi by coach.

IV. Dùng các từ gợi ý để đặt câu hỏi với “Where” và viết câu trả lời.

Ex: bank// opposite/ hospital

Where is the bank? -The bank is opposite the hospital.

1. post office// next to/ bus stop

2. museum// font/ park

3. souvenir shop// between/ bookstore/ toystore

4. stadium// on/ Phan Dinh Phung Street

5. market// opposite/ movie theater

6. students// in/ library

7. supermarket// near/ hospital

8. drugstore// left/ my house

V. Dùng các từ gợi ý để đặt câu hỏi với “How far ...?” và viết câu trả lời.

Ex: bus stop/ school// 200 meters.

How far is it from the bus stop to school? -It's about 200 meters.

1. your house/ Ben Thanh market// one kilometer

2. post office/ bakery// 800 meters

3. Ha Noi/ Hue// 680 kilometers

4. your house/ school// 500 meters

5. Da Nang/ Ho Chi Minh City// 900 kilometers

6. Ha Noi/ Ho Chi Minh City// 1,700 kilometers

7. your school/ public library// two kilometers

8. Hue/ Da Nang// 100 kilometers

VI. Sắp xếp các câu sau thành đoạn hội thoại hợp lý.

_____ Is there a department store near the hotel?

_____ It's not far - just about one kilometer.

_____ The Metropole Hotel? OK. Go straight ahead. Take the second street on the left.

_____ The hotel is on your right.

_____ Thank you very much.

_____ No, there isn't. But there is a supermarket in the neighborhood.

_____ You're welcome.

1 _____ Excuse me. Could you show me the way to the Metropole Hotel?

_____ How far is it from the hotel to the supermarket?